TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KV - HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 859/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KV - HN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Hữu Đệ.**
2. **Bà Hoàng Thị An.**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thu Thảo.**
Thư ký Toà án nhân dân KV - Thành phố HN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV tham gia phiên toà*:**
Bà Bùi Thị Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân KV - HN xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 511/2025/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2025. Quyết định hoãn phiên tòa số …../2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025. Giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: **Bà Phạm Thị Thu H**, sinh năm 1977.
CCCD:
Nơi thường trú: Thôn DT, xã SS, Thành phố HN.
Nghề nghiệp: Công nhân.
Có mặt tại phiên tòa.

2. ***Bị đơn*:** **Ông Trịnh Văn P**, sinh năm 1972.
CCCD:
Nơi cư trú: Thôn DT, xã SS, Thành phố HN.
Nghề nghiệp: Tự do.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Phạm Thị Thu H trình bày:**

- Về tình cảm: Bà và ông Trịnh Văn P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/5/2005 tại Uỷ ban nhân dân xã TD, huyện SS nay là Uỷ ban nhân dân xã SS, Thành phố HN.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống tại thôn DT, xã TD, huyện SS, nay là thôn DT, xã SS, Thành phố HN, không chung sống cùng bố mẹ chồng.

Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P thường xuyên ra ngoài chơi bời, không quan tâm gì đến vợ con cả về tinh thần và kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Hai bên gia đình đã hoà giải nhiều lần và bà cũng đã tha thứ cho ông P nhưng cũng không thay đổi gì. Từ tháng 9/2025, do mâu thuẫn căng thẳng ông P đã đuổi bà, nên bà đã ra ngoài ở trọ và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

+ Về con chung: Quá trình chung sống ông bà sinh được 03 người con chung là Trịnh Danh T sinh năm 2008, Trịnh Xuân T sinh năm 2011 và Trịnh Danh Đ sinh năm 2020. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt, cháu T đang ở cùng bố tại nhà, cháu T và cháu Đ đang ở trọ cùng mẹ.

Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T và cháu Đ, giao cháu T cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng. Trường hợp Toà án giao cho bà nuôi dưỡng cả 03 con chung thì bà cũng đồng ý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện tại bà đang làm công nhân may, mỗi tháng thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng. Ông P làm công việc tự do, thu nhập như thế nào bà không nắm rõ.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các vấn đề trên, bà không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – Ông Trịnh Văn P:** Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trịnh Văn P đến Tòa án để làm việc, nhưng ông P đều không đến. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông P làm căn cứ giải quyết vụ án, tuy nhiên ông P đều vắng nhà, do vậy nên không lấy được lời khai của ông P.

<u>Tại phiên tòa</u>:

+ Bà Phạm Thị Thu H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Đến nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, bà kiên quyết xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà sinh được 03 người con chung là Trịnh Danh T sinh năm 2008, Trịnh Xuân T sinh năm 2011 và Trịnh Danh Đ sinh năm 2020. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt, cháu T đang ở cùng bố tại nhà, cháu T và cháu Đ đang ở trọ cùng mẹ.

Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu T và cháu Đ, giao cháu T cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện tại bà đang làm công nhân may, mỗi tháng thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng. Ông P làm công việc tự do, thu nhập như thế nào bà không nắm rõ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

+ Ông Trịnh Văn P vắng mặt tại phiên toà, nên không có lời trình bày.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – HN phát biểu ý kiến***:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tống đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa : Bà H chấp hành tốt pháp luật, ông P không chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu H đối với ông Trịnh Văn P.

Về con chung: Bà H và ông P có 03 con chung là Trịnh Danh T sinh năm 2008, Trịnh Xuân T sinh năm 2011 và Trịnh Danh Đ sinh năm 2020, hiện nay sức khoẻ các cháu đều tốt, cháu Trịnh Danh T hiện nay đang sống cùng với bố, 2 cháu Trịnh Xuân T và Trịnh Danh Đ đang sống cùng với mẹ.

Sau khi ly hôn, giao 01 con chung là Trịnh Danh T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, giao 02 con chung là Trịnh Xuân T và Trịnh Danh Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông P đều không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà H và ông P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện SS, Thành phố HN nay là xã SS, Thành phố HN, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2005 ngày 20/5/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà H có đơn xin ly hôn với ông P. Ông P có địa chỉ nơi ở tại xã SS, Thành phố HN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân KV - HN, quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

[1.2] Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trịnh Văn P đến Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng ông P đều không đến. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông P, tuy nhiên ông P đều vắng nhà, do vậy nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà đối với ông P theo đúng quy định của pháp luật. Ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trịnh Văn P sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do ông P không quan tâm đến vợ con, vợ chồng không phù hợp với nhau về tính cách, quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà H xin được ly hôn với ông P.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông bà chung sống thì bà H và ông P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống cùng nhau tại thôn DT, xã SS, Thành phố HN và không chung sống cùng bố mẹ chồng. Quá trình chung sống thời gian đầu cũng không có điều tiếng gì, tuy nhiên thời gian gần đây ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thì địa phương cũng không nắm được, chỉ thấy ông bà có cãi nhau và bà H đã cùng các con thuê nhà ra ngoài ở riêng. Hiện nay ông bà không còn sống chung với nhau nữa, ông P vẫn ở nhà tại thôn DT.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông P là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan hệ để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà H xin ly hôn ông P là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông P có 03 con chung là Trịnh Danh T sinh năm 2008, Trịnh Xuân T sinh năm 2011 và Trịnh Danh Đ sinh năm 2020. Hiện nay các con đều có sức khoẻ tốt, cháu Trịnh Danh T đang sống cùng ông P, 02 cháu Trịnh Xuân T và Trịnh Danh Đ đang sống cùng bà H.

Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trịnh Xuân T và Trịnh Danh Đ, giao cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trịnh Danh T. Bà H không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Bà H hiện nay đang làm công nhân may, thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000 đồng. Ông P làm công việc tự do, bà H cũng không biết rõ về mức thu nhập của ông P.

Xét thấy, hiện nay 02 cháu Trịnh Xuân T và Trịnh Danh Đ đang sống ổn định cùng bà H, cháu Trịnh Danh T đang sống ổn định cùng ông T. Các cháu Trịnh Xuân T và cháu Trịnh Danh T đều có nguyện vọng là muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Cháu Trịnh Danh T sinh ngày 04/5/2008, hiện nay cháu đã hơn 17 tuổi và cháu là con trai, hơn nữa cháu vẫn đang sinh sống ổn định cùng với bố là ông P. Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông P hiện nay đang sinh sống thì ông P vẫn thường xuyên ở nhà tại thôn DT. Bà H hiện nay đang làm công nhân may, thu nhập bình quân được 10.000.000 đồng/tháng, do vậy mặc dù nguyện vọng của cháu T là muốn được ở với mẹ, nhưng với mức thu nhập như vậy thì bà H không có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu T cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và cũng phù hợp với thực tế cuộc sống của cháu T và ông P hiện nay.

Hiện tại cháu Trịnh Xuân T được hơn 14 tuổi và cháu Trịnh Danh Đ được hơn 5 tuổi, cả hai cháu hiện nay đang sống ổn định cùng với mẹ là bà Phạm Thị Thu H, cháu Đ hiện còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao 2 cháu Trịnh Xuân T và Trịnh Danh Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với thực tế cuộc sống của các cháu và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con : Bà H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Ông P cũng không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con. Nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà H và ông P cho đến khi nào ông bà có yêu cầu.

[2.4] Bà H và ông P đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P cũng không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu H.
   Bà Phạm Thị Thu H được ly hôn ông Trịnh Văn P.

2. Về con chung: Xác nhận bà Phạm Thị Thu H và ông Trịnh Văn P có 03 con chung là Trịnh Danh T sinh năm 2008, Trịnh Xuân T sinh năm 2011 và Trịnh Danh Đ sinh năm 2020.

Giao 01 con chung là cháu Trịnh Danh T cho ông Trịnh Văn P trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12/2025 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Giao 02 con chung là cháu Trịnh Xuân T và cháu Trịnh Danh Đ cho bà Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12/2025 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà Phạm Thị Thu H và ông Trịnh Văn P cho đến khi bà H và ông P có yêu cầu.

Bà Phạm Thị Thu H và ông Trịnh Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thu H và ông Trịnh Văn P đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thu H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền số 0013360, ký hiệu BLTU/25E ngày 24/10/2025 tại Phòng Thi hành án KV – Thành phố HN. Xác nhận bà H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà Phạm Thị Thu H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Trịnh Văn P có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV, HN;
- Phòng THA KV, HN;
- TAND Thành phố HN;
- UBND X.TD, H.SS, TP. HN – Nay là UBND xã SS, TP. HN; (GCNKH số 67/2005 ngày 20/5/2005);
- Lưu hồ sơ.